

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán rời rạc

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Văn Thắng

2. Ngày tháng năm sinh: 14/08/1990; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Xuân Châu, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 9, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 37B, 108/32 Đông Thiên, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0382893931;

E-mail: phamanhthang.vnu@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2017 đến 02/2019: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Đại học California, San Diego

Từ 03/2019 đến 08/2020: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Đại học Rochester

Từ 09/2020 đến 08/2021: Nghiên cứu viên chính tại ETH, Zurich

Từ 09/2021 đến 06/2025: Giảng viên tại Bộ môn Tin học, Khoa Toán - Cơ - Tin học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Tin học, Khoa Toán - Cơ - Tin học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 18 tháng 06 năm 2012, số văn bằng: QC093917, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán rời rạc

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 12 tháng 06 năm 2017, số văn bằng: 0045154, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán rời rạc

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Bách khoa Liên bang Lausanne (EPFL), Thụy Sĩ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hình học tổ hợp
- Tổ hợp cộng tính
- Lý thuyết độ đo hình học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo khoa học, trong đó 57 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giải thưởng Luận án tiến sĩ xuất sắc nhất ngành Toán học	Trường Bách khoa Liên bang Lausanne (EPFL), Thụy Sĩ	2017
2	Giải thưởng Khoa học Viện Toán học	Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2023
3	Giải ba công trình Toán học xuất sắc năm 2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong toàn bộ thời gian công tác, tôi nhận thấy bản thân đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 3 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1								
2								
3	2021-2022					180		180/281,8/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023				1	150	45	195/320/240
5	2023-2024			2	3	150	45	195/425/240
6	2024-2025					195	45	240/324/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Thụy Sĩ năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Quang Huy		X	X		02/2023 đến 06/2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	06/09/2024
2	Đỗ Thị Nhân		X	X		02/2023 đến 06/2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	06/09/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ tran g ... đến tran g)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Hình học liên thuộc và ứng dụng	CN	QG.23.03, cấp Bộ	27/04/2023 đến 27/04/2025	27/04/2025; Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Orthogonal systems in vector spaces over finite rings	2	Có	Electronic Journal of Combinatorics/ ISSN: 1077-8926	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.532, Q2	3	19, 2, P48	06/2012
2	Erdos-Renyi graph, Szemerédi-Trotter type theorem, and sum-product estimates over finite rings	2	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.823, Q2	4	27, 1, 331-342	01/2015
3	An additive problem in finite cyclic rings	3	Có	Applicable Analysis and Discrete Mathematics/ISSN: 1452-8630	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.762, Q3		10 325-331	10/2016
4	Some combinatorial number theory problems over finite valuation rings	2	Có	Illinois Journal of Mathematics/ISSN:0019-2082	- ESCI IF: Q2	5	61, 1-2, 243-257	01/2017

5	Conditional expanding bounds for two-variable functions over finite valuation rings	3	Có	European Journal of Combinatorics/ISSN: 0195-6698	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.928, Q1	3	60 114-123	02/2017
6	Incidences between points and generalized spheres over finite fields and related problems	3	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.695, Q1	5	29, 2, 449-456	03/2017
7	An improvement on the number of simplices in F_q^d	3	Có	Discrete Applied Mathematics/ISSN: 0166-218X	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.932, Q2	8	221 95-105	04/2017
8	Distinct distances on regular varieties over finite fields	2	Có	Journal of Number Theory/ISSN: 0022-314X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.774, Q1	2	173 602-613	04/2017
9	A Szemerédi-Trotter type theorem, sum-product estimates in finite quasifields, and related results	4	Có	Journal of Combinatorial Theory Series A/ISSN: 0097-3165	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán	4	147 55-74	04/2017

					- ISI <i>IF</i> : 0.93, <i>Q1</i>			
10	Schwartz-Zippel bounds for two-dimensional products	4	Có	Discrete Analysis/ISSN: 2397-3129	Tạp chí SCIE - ISI	13	20 20	12/2017
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
11	A structure theorem for product sets in extra special groups	4	Có	Journal of Number Theory/ISSN: 0022-314X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 0.684, <i>Q1</i>	2	184 461-472	03/2018
12	Distinct spreads in vector spaces over finite fields	3	Có	Discrete Applied Mathematics/ISSN: 0166-218X	Tạp chí SCIE - ISI <i>IF</i> : 0.983, <i>Q2</i>	4	239 154-158	04/2018
13	Conditional expanding bounds for two-variable functions over arbitrary fields	2	Có	Journal of Number Theory/ISSN: 0022-314X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 0.684, <i>Q1</i>	5	186 137-146	05/2018
14	Distinct distances between points and lines in F_q^2	5	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 0.867, <i>Q1</i>	6	30, 4, 799-808	07/2018

15	Distances from points to planes	3	Có	Acta Arithmetica/ISSN: 0065-1036	Tạp chí SCIE - ISI <i>IF: 0.416, Q2</i>	3	186, 3, 219-224	11/2018
16	Four-variable expanders over the prime fields	4	Có	Proceedings of the American Mathematical Society/ISSN: 0002-9939	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF: 0.813, Q1</i>	5	146, 12, 5025-5034	12/2018
17	Expansion for the product of matrices in groups	4	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF: 0.733, Q1</i>	1	31, 1, 35-48	01/2019
18	Three-variable expanding polynomials and higher-dimensional distinct distances	3	Có	Combinatorica /ISSN: 0209-9683	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF: 1.143, Q1</i>	15	39, 2, 411-426	04/2019
19	Incidences between planes over finite fields	3	Có	Proceedings of the American Mathematical Society/ISSN: 0002-9939	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF: 0.927, Q1</i>	8	147, 5, 2185-2196	05/2019

20	On the determinants and permanents of matrices with restricted entries over prime fields	4	Có	Pacific Journal of Mathematics/ISSN: 0030-8730	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.697, Q1	3	300, 2, 405-417	06/2019
21	Expanding phenomena over matrix rings	5	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.733, Q1	5	31, 4, 951-970	07/2019
22	Power Sum Polynomials as Relaxed EGZ Polynomials	4	Có	Integer/ISSN: 1553-1732	- Scopus	4	19 A49	09/2019
23	Distance sets over arbitrary finite fields	4	Có	Illinois Journal of Mathematics/ISSN:0019-2082	- ESCI IF: Q2		63, 3, 469-484	10/2019
24	A Sum-product theorem in matrix rings over finite fields	1	Có	C. R. Acad. Sci. Paris, Ser. I/ISSN: 1631-073X	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.719, Q1	4	357, 10, 766-770	10/2019
25	A new bound for the Erdos distinct distances problem in the plane over prime fields	5	Có	Acta Arithmetica/ISSN: 0065-1036	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.608, Q2	5	193, 2, 165-174	01/2020
26	Exponential sum estimates over prime fields	4	Có	International Journal of Number Theory/ISSN: 1793-0421	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.674, Q2	4	16, 02, 291-308	03/2020

27	On a theorem of Hegyvari and Hennecart	5	Có	Pacific Journal of Mathematics/ISSN: 0030-8730	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.817, Q1		305, 2, 407-421	04/2020
28	On the structure of distance sets over prime fields	2	Có	Proceedings of the American Mathematical Society/ISSN: 0002-9939	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.016, Q1	1	148 3209-3215	04/2020
29	New bounds for distance-type problems over prime fields	3	Có	European Journal of Combinatorics/ISSN: 0195-6698	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.847, Q1	1	86 103080	05/2020
30	Paths in pseudorandom graphs and applications	2	Có	Ars Combinatoria/ISSN: 0381-7032	- Scopus IF: 0.263, Q4		153 195-207	10/2020
31	Distribution of distances in positive characteristic	2	Có	Pacific Journal of Mathematics/ISSN: 0030-8730	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.817, Q1	1	309, 2, 437-451	12/2020

32	Moderate expanders over rings	6	Có	Journal of Number Theory/ISSN: 0022-314X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.679, Q2	1	218 223-233	01/2021
33	A sharp exponent on sum of distance sets over finite fields	4	Có	Mathematische Zeitschrift/ISSN: 0025-5874	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.82, Q1	4	297 1749-1765	04/2021
34	On restriction estimates for the zero radius sphere over finite fields	5	Có	Canadian Journal of Mathematics/ISSN: 0008-414X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.455, Q1	4	73, 3, 769-786	06/2021
35	Distribution of the determinants of sums of matrices	4	Có	Revista Matemática Iberoamericana/ISSN: 0213-2230	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.457, Q1	1	37, 4, 1365-1398	06/2021
36	An asymmetric bound for sum of distance sets	3	Có	Proceedings of the Steklov Institute of Mathematics/ISSN: 0081-5438	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.556, Q3	2	314, 1, 290-300	10/2021

37	Extension theorems and a connection to the Erdos-Falconer distance problem over finite fields	3	Có	Journal of Functional Analysis/ISSN: 0022-1236	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 1.891, <i>Q1</i>	7	281, 8, 109137	10/2021
38	Extension theorems for Hamming varieties over finite fields	3	Có	Proceedings of the American Mathematical Society/ISSN: 0002-9939	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 1.0, <i>Q1</i>	1	150, 1, 161-170	01/2022
39	On the pinned distances problem in positive characteristic	5	Có	Journal of the London Mathematical Society/ISSN: 2052-4986	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI <i>IF</i> : 1.137, <i>Q1</i>	13	105, 1, 469-499	02/2022
40	A point-sphere incidence bound in odd dimensions and applications	2	Có	Comptes Rendus Mathématique/ISSN: 1631-073X	Tạp chí SCIE - ISI <i>IF</i> : 0.8, <i>Q2</i>	1	360, G6, 687-698	06/2022
41	On the Mattila-Sjolin distance theorem for product sets	3	Có	Mathematika/ISSN: 0025-5793	Tạp chí SCIE - ISI <i>IF</i> : 0.8, <i>Q1</i>	7	68, 4, 1258-1267	09/2022
42	Distribution of distances in five dimensions and related problems	2	Có	SIAM Journal on Discrete Mathematics/ISSN: 0895-4801	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và	1	36, 3, 2271-2281	09/2022

					có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.8, QI			
43	On the finite field cone restriction conjecture in four dimensions and applications in incidence geometry	3	Có	International Mathematics Research Notices/ISSN: 1073- 7928	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.0, QI	2	2022, 21, 17079- 17111	11/202 2
44	A point-conic incidence bound and applications over F_p	3	Có	European Journal of Combinatorics/ISSN: 0195-6698	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.0, QI	1	107 103596	01/202 3
45	Configurations of rectangles in F_q^2	4	Có	Finite Fields and Their Applications/ISSN: 1071-5797	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.2, QI		86 102147	02/202 3
46	Threshold functions for incidence properties in finite vector spaces	4	Có	Finite Fields and Their Applications/ISSN: 1071-5797	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán		87 102149	03/202 3

					- ISI IF: 1.2, Q1			
47	Mattila–Sjolin type functions: A finite field model	4	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ISSN: 2305-221X	- ESCI IF: 0.8, Q2	2	51 421- 434	04/202 3
48	An energy decomposition theorem for matrices and related questions	3	Có	Canadian Mathematical Bulletin/ISSN: 0008- 4395	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.5, Q2	4	64, 4, 1280- 1295	05/202 3
49	Structural theorems on the distance sets over finite fields	3	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.0, Q1		35, 4, 925-938	05/202 3
50	Distribution of pinned distance trees in the plane F_p^2	3	Có	Discrete Mathematics/ISSN: 0012-365X	Tạp chí SCIE - ISI IF: 0.7, Q1	1	346, 12, 113613	12/202 3
51	Falconer type functions in three variables	3	Có	Journal of Functional Analysis/ISSN: 0022- 1236	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.7, Q1	1	286, 4, 110246	02/202 4
52	Product of sets on varieties in finite fields	4	Có	Journal of Fourier Analysis and Applications/ISSN: 1069-5869	Tạp chí SCIE - ISI IF: 1.2, Q1		30, 2, 19	03/202 4
53	Group action and L^2 -norm estimates of	1	Có	Journal of Mathematical Analysis and	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích	4	531, 1, 127748	03/202 4

	geometric problems			Applications/ISSN: 0022-247X	dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.2, Q1			
54	Parallelograms and the VC-dimension of the distance sets	1	Có	Discrete Applied Mathematics/ISSN: 0166-218X	Tạp chí SCIE - ISI IF: 1.0, Q2	2	349 195-200	05/2024
55	Improved incidence bounds over arbitrary finite fields via the VC-dimension theory	4	Có	European Journal of Combinatorics/ISSN: 0195-6698	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.0, Q1		118 103928	05/2024
56	New-type Quasirandom Groups and Applications	2	Có	Journal of Fourier Analysis and Applications/ISSN: 1069-5869	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.2, Q1		30, 6, 64	11/2024
57	A spherical extension theorem and applications in positive characteristic	2	Có	Finite Fields and Their Applications/ISSN: 1071-5797	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.2, Q1	1	101 102515	01/2025
58	Multi-linear forms, graphs, and L^p -improving	4	Có	Canadian Journal of Mathematics/ISSN: 0008-414X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích		77, 1, 208-251	02/2025

	measures in F_q^d				dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.6, Q1			
59	Radial projection theorems in finite spaces	3	Có	Proceedings of the American Mathematical Society/ISSN: 0002-9939	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.8, Q1	3	153, 5, 2169-2183	03/2025
60	Triangles with one fixed side-length, a Furstenberg type problem, and incidences in finite vector spaces	1	Có	Forum Mathematicum/ISSN: 0933-7741	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 1.0, Q1		37, 2, 359-372	03/2025
61	VC-dimension and pseudo-random graphs	4	Có	Discrete Applied Mathematics/ISSN: 0166-218X	Tạp chí SCIE - ISI IF: 1.0, Q2		365 231-246	04/2025
62	Geometric structures in pseudo-random graphs	4	Có	Canadian Journal of Mathematics/ISSN: 0008-414X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HĐGSNN Ngành Toán - ISI IF: 0.6, Q1	1	77, 3, 1041-1071	06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 48 ([11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [20] [21] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [31] [32] [33] [34] [35] [36] [37] [38] [39] [40] [41] [42] [43] [44] [45] [46] [48] [49] [50] [51] [52] [53] [54] [55] [56] [57] [58] [59] [60] [61] [62])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 2 năm 2 tháng

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Thắng